

TANGANIL 500mg



1. Thành phần hoạt chất:

Acetyl-DL-Leucine..... 500mg

2. Thuốc này là thuốc gì:

Acetyl-DL-Leucine là thuốc hướng tâm thần. Acetyl-DL-Leucine là một dẫn xuất của leucine và một axit N-acetyl-amino. Được sử dụng để điều trị mất cân bằng liên quan đến tiền đình và chóng mặt.

3. Chỉ định điều trị:

-Các trường hợp bị chóng mặt với những dấu hiệu như: mất cân bằng, đi đứng khó khăn bị loạn choạng không được vững, hoa mắt, ù tai có kèm theo cả buồn nôn, nôn,...

-Tình trạng chóng mặt ở bất cứ trạng thái nào, chóng mặt do kích thích, do tăng huyết áp xơ vữa động mạch, do ngộ độc, do thuốc,....

4. Liều dùng và cách dùng:

-Cách dùng: dùng đường uống nên dùng vào bữa ăn.

-Liều dùng:

Dạng viên nén 500mg (người lớn): Uống 1,5 - 2g/ ngày (3 - 4 viên/ngày), chia làm 2 - 3 lần/ngày. Thời gian sử dụng để điều trị từ 10 ngày tới 5 - 6 tuần. Nếu cần có thể tăng lên đến 3 - 4g/ ngày (6 - 8 viên/ngày), chia làm 2 - 3 lần/ngày.

5. Chống chỉ định:

-Bệnh nhân bị dị ứng hay quá mẫn với thành phần Acetyl-DL-Leucine.

-Phụ nữ đang mang thai và đang cho con bú.

6. Tác dụng không mong muốn

-Thuốc Acetyl-DL-Leucine có thể gây ra khó chịu ở một số người.

-Phản ứng da như phát ban (đôi khi kết hợp với ngứa), nổi mề đay nhưng rất hiếm khi quan sát thấy.

7. Tương tác thuốc:

Không có

8. Dược động học:

Sau khi uống vào cơ thể, Acetyl-DL-Leucine sẽ đạt một nồng độ tối đa trong huyết tương sau khoảng thời gian là 2 tiếng.

9. Tài liệu tham khảo:

Dược thư Quốc gia Việt Nam

Tờ hướng dẫn sử dụng thuốc

Tanganil 500 mg

Acetylleucine

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.
Đề xa tầm tay trẻ em.

1. TÊN THUỐC: TANGANIL 500 mg
2. THÀNH PHẦN
 - **Hoạt chất:** Acetylleucine 500 mg.
 - **Tá dược:** tinh bột mì, tinh bột ngô tiền gelatin hóa, calci carbonat, magnesi stearat, khối lượng vừa đủ 1 viên.
3. DẠNG BAO CHẾ: Viên nén.
4. QUY CÁCH ĐÓNG GÓI: Hộp 3 vỉ, mỗi vỉ chứa 10 viên nén.
5. CHỈ ĐỊNH

Thuốc được dùng để điều trị cơn chóng mặt.
6. LIỀU DÙNG VÀ CÁCH DÙNG

Liều dùng:
Người lớn:
1,5 - 2 g/ngày. 3 - 4 viên một ngày, chia làm 2 lần sáng và tối.

Vào giai đoạn đầu của điều trị, hoặc khi không có cải thiện, có thể tăng liều lên 3 - 4 g (6 - 8 viên) một ngày.

Đường dùng: đường uống. Uống thuốc với nước.

Thời gian điều trị: thời gian điều trị thay đổi tùy theo diễn biến lâm sàng (từ 10 ngày đến 5 hoặc 6 tuần).

Không dùng quá liều được chỉ định.
7. CHỐNG CHỈ ĐỊNH

Không dùng TANGANIL khi:
Bệnh nhân bị dị ứng với dược chất (Acetylleucine)

hoặc một trong số các tá dược có trong thuốc,
Bệnh nhân bị dị ứng với lúa mì (trừ bệnh celiac).

8. CÁC CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG

Thận trọng khi sử dụng TANGANIL.

Thuốc này có chứa tinh bột mì nhưng có thể sử dụng cho bệnh nhân bị celiac. Vì lượng gluten trong tá dược tinh bột mì của thuốc rất nhỏ không đáng kể.

SỬ DỤNG TRONG TRƯỜNG HỢP CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ:
Không nên sử dụng thuốc này khi đang có thai hoặc cho con bú.

Nếu bạn phát hiện mình có thai khi đang dùng thuốc, hãy tham khảo ý kiến của bác sĩ hay dược sĩ của bạn và họ sẽ quyết định bạn có nên tiếp tục điều trị hay không.

THEO THÔNG THƯỜNG, BỆNH NHÂN CẦN PHẢI HỎI Ý KIẾN CỦA BÁC SĨ HAY DƯỢC SĨ TRƯỚC KHI DÙNG BẤT KỲ LOẠI THUỐC NÀO KHI ĐANG CÓ THAI HOẶC CHO CON BÚ.

TÁC ĐỘNG ĐẾN KHẢ NĂNG LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC:
Chưa có dữ liệu nghiên cứu.
9. TƯƠNG TÁC VỚI CÁC THUỐC KHÁC VÀ CÁC LOẠI TƯƠNG TÁC KHÁC

Để tránh các tương tác thuốc có thể xảy ra với nhiều loại thuốc, cần phải thông báo cho bác sĩ hoặc dược sĩ bất kỳ thuốc nào khác hiện đang sử dụng.
10. TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN

Như tất cả các loại thuốc khác, thuốc này có thể gây ra tác dụng không mong muốn nhiều hơn hoặc ít hơn ở một số người.

Rất hiếm khi xảy ra phát ban da (phát ban, đỏ, nổi mề đay, ngứa).

Thông báo ngay cho bác sĩ hoặc dược sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

11. QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ

Sau khi sử dụng quá liều, bệnh nhân cần thông báo ngay cho bác sĩ hoặc dược sĩ.
12. DƯỢC LỰC HỌC

Nhóm trị liệu: THUỐC TRỊ CHÓNG MẶT (mã ATC : N07CA04)

Thuốc trị chóng mặt chưa rõ cơ chế hoạt động.
13. DƯỢC ĐỘNG HỌC

Sau khi uống, acetylleucine đạt nồng độ tối đa trong huyết tương sau khoảng 2 giờ.
14. ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN VÀ HẠN DÙNG

Điều kiện bảo quản: Bảo quản thuốc ở nhiệt độ dưới 30°C.

Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

Không nên dùng thuốc quá thời hạn được ghi trên bao bì.
15. TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG: Tiêu chuẩn cơ sở
16. CHỦ SỞ HỮU GIẤY PHÉP ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH

PIERRE FABRE MEDICAMENT
Sis Cauquillous
81500 Lavaur - Pháp
17. TÊN VÀ ĐỊA CHỈ NHÀ SẢN XUẤT

PIERRE FABRE MEDICAMENT PRODUCTION
Site Progipharm
Rue du Lycée
45500 Gien - Pháp

332/242